

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DSST.  
Ngày: 30/9/2019.  
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Đỏ và bà Lê Thị Hòa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xử án TAND huyện C, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 66/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 06, xã TT, huyện C, tỉnh ĐN.

*Bị đơn:* Bà Phùng Hương Th, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:* Do là chỗ chị em quen biết chơi với nhau từ lâu nên trong giai đoạn từ tháng 09/2017 đến tháng 05/2018 bà H có cho bà Th vay làm nhiều lần (không nhớ với số tiền vay cụ thể của từng lần là bao nhiêu). Đến ngày 30/5/2018 thì tổng số tiền bà Th còn nợ lại của bà H là 65.000.000 đ; tuy nhiên do là chị em chơi thân tin tưởng nhau nên giữa bà H và bà Th không viết giấy tờ gì với nhau, đến ngày 02/6/2018 thì bà Th có đến nhà và hỏi bà H để vay thêm số tiền 15.000.000 đ (*mười lăm triệu đồng*). Như vậy, tổng số tiền bà Th nợ của bà H tính đến ngày 02/6/2019 là 80.000.000 đ (*tám mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, khi bà H nói bà Th viết giấy nợ cho bà H thì bà Th chỉ viết với số tiền còn nợ lại là 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu đồng*); còn số tiền 10.000.000 đ thì bà Th nói với bà H để bà Th trả dần nên bà H đã đồng ý,

nhưng hiện nay bà Th lại phủ nhận số tiền 10.000.000 đ (*mười triệu đồng*) này, hiện nay bà H cũng không có giấy tờ gì chứng minh số tiền này nên bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này; tại phiên tòa sơ thẩm bà H tiếp tục thay đổi yêu cầu và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện so với quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H chỉ yêu cầu bà Th phải thanh toán số tiền gốc còn nợ lại là 70.000.000 đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật; cụ thể: yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền 15.000.000 đ tiền gốc từ ngày 02/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm; tính lãi quá hạn trên số tiền 55.000.000 đ tiền gốc từ ngày 02/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai tại Tòa án bị đơn bà Phùng Hương Th trình bày:* Trong giai đoạn từ tháng 09/2017 đến tháng 05/2018 bà Th có vay của bà H làm nhiều lần (không nhớ với số tiền vay cụ thể của từng lần là bao nhiêu). Tuy nhiên, đến ngày 02/6/2018 sau khi cộng sổ cả hai bên đã chốt lại số tiền gốc bà Th còn nợ lại của bà Phạm Thị H từ trước là 55.000.000 đ (năm mươi lăm triệu đồng) và ngay khi cộng sổ bà Th có vay thêm của bà Phạm Thị H số tiền 15.000.000 đ (*mười lăm triệu đồng*); như vậy tổng số tiền bà Th đã vay của bà H là 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu đồng*); Sau đó bà Th có viết giấy vay tiền với bà H với số tiền còn nợ lại là 70.000.000 đ (bảy mươi triệu đồng) như nội dung giấy vay tiền bà H đã cung cấp tại Tòa án; khi vay các bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày nhưng không ghi vào giấy vay tiền; thời hạn cho vay ghi trong giấy vay tiền là 10 tháng; bà H nói sẽ cho bà Th trả góp dần hàng tháng có bao nhiêu, trả bấy nhiêu. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên bà Th không có khả năng trả nợ được cho bà H hàng tháng như đã thỏa thuận nên bà H đã kiện bà Th ra Tòa án. Bà Th đã trả được cho bà H số tiền 4.000.000 đ (*bốn triệu đồng*); hoàn cảnh của gia đình bà Th hiện rất khó khăn nên không thể trả một lúc số tiền còn nợ lại cho bà H được nên bà mong muốn bà H cho bà được trả dần cho bà H mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền gốc còn nợ lại của bà H là 70.000.000 đ (*bảy mươi triệu đồng*) và xin bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn; bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền lãi của nguyên đơn, buộc bà Phùng Hương Th phải thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền mua hàng hóa còn nợ lại là 70.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 10/6/2018, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại là 80.000.000 đ (tám mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật do đó quan hệ xác định khi thụ lý là “*Tranh chấp hợp đồng tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phùng Hương Th có hộ khẩu thường trú tại: Bon U, TT E, huyện C, tỉnh ĐN; vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chứng cứ chứng minh: Bà Phạm Thị H cung cấp tại Tòa án 01 Giấy vay tiền (bản gốc) đề ngày 02/6/2018 có chữ ký của bà Phùng Hương Th thể hiện nội dung bà Phùng Hương Th có vay của bà Phạm Thị H số tiền 70.000.000 đồng; được thu thập hợp lệ, phù hợp với lời trình bày của các đương sự cũng như nội dung khách quan của vụ án. Do đó, HĐXX xác định đây là chứng cứ trong vụ án.

Về nghĩa vụ thanh toán: Các đương sự đều thừa nhận việc vay tiền chỉ diễn ra giữa bà Phạm Thị H và bà Phùng Hương Th ngoài ra không còn liên quan đến ai khác; trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị H chỉ yêu cầu một mình bà Phùng Hương Th có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ lại cho bà H. Do đó, đây là khoản nợ riêng của bà Th đối với bà H; Bà Phùng Hương Th phải có nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền này cho bà Phạm Thị H.

Về nội dung, phạm vi yêu cầu: Các đương sự đều thừa nhận tính đến ngày 02/6/2018 bà Phùng Hương Th và bà Phạm Thị H có tính toán và xác định số nợ gốc bà Th còn nợ lại của bà H là 70.000.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 70.000.000 đồng cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, cần chấp nhận; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và hiện tại nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc còn nợ lại là 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật; cụ thể: yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền 15.000.000 đ tiền gốc từ ngày 02/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm; tính lãi quá hạn trên số tiền 55.000.000 đ tiền gốc từ ngày 02/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về lãi suất: Tại phiên tòa các đương sự thừa nhận trong số tiền 70.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 02/6/2018 thì tại thời điểm lập giấy vay tiền các bên chỉ thỏa

thuận lãi suất đối với số tiền 15.000.000 đồng là lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày; đối với số tiền 55.000.000 đ còn lại các bên đồng ý thỏa thuận không tính lãi đối với số tiền này. Do đó cần áp dụng quy định tại Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

**a. Đối với số tiền 15.000.000 đ:**

- Lãi trong hạn từ ngày 02/6/2018 đến ngày 02/4/2019 là 10 tháng, với lãi suất 10%/năm là: 1.250.000 đồng.

- Lãi chậm trả từ ngày 02/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2019) là 05 tháng 28 ngày với lãi suất 15%/năm là: 1.112.500 đồng.

**b. Đối với số tiền 55.000.000 đ:** lãi chậm trả từ ngày 02/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2019) là 05 tháng 28 ngày với lãi suất 10%/năm là: 2.719.000 đồng

Tổng số tiền lãi bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà H là (a) + (b) = 1.250.000 đồng + 1.112.500 đồng + 2.719.000 đồng = 5.081.500 đồng. Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận bà Th đã trả cho bà H tiền lãi làm nhiều lần (nhưng khi trả không có giấy tờ gì) với tổng số tiền là 4.000.000 đồng; như vậy tổng số tiền lãi bà Th còn phải tiếp tục thanh toán cho bà H là 1.081.500 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà Phùng Hương Th phải chịu án phí dân sự với số tiền 71.081.500 đồng x 5% = 3.554.000 đồng và bà H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 217, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc bà Phùng Hương Th phải thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền còn nợ lại là 71.081.500đ (*Bảy mươi một triệu không trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng*); trong đó số tiền gốc còn nợ lại là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) và tiền lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2019) là 1.081.500đ (*Một triệu không trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phùng Hương Th không thi hành thì bà Phùng Hương Th còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng trong số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc như nội dung khởi kiện ban đầu của bà Phạm Thị H.

Về án phí: Buộc bà Phùng Hương Th phải chịu 3.554.000đ (*Ba triệu năm trăm năm mươi tư nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 375.000 đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002401 ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh ĐN.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- CCTHDS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)